

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM**

Căn cứ 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 380/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Nguyễn Thị Như Y và anh Nguyễn Văn T.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như Y và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày vào 30/9/2011 tại UBND xã H, thành phố K, tỉnh Kon Tum, việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ, chồng sống đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chị Y cho rằng là do anh T đi nhận nghe lời người ngoài về ghen tuông, đánh đập, xúc phạm chị và cả gia đình chị nữa; anh T thì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do không hợp nhau về tính cách. Cả hai vợ chồng cùng xác định từ tháng 3 năm 2020 chị Y đã về nhà mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, việc ai người ấy làm. Anh, chị cùng thỏa thuận thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[2] Về con chung các đương sự thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 03/01/2012 cho chị Y trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Việc thỏa thuận nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản, nợ nần: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm (Thuận tình ly hôn) là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), các đương sự phải chịu, chị Y nhận chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày 16/10/2020 về việc lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Như Y và anh Nguyễn Văn T thỏa thuận thuận tình ly hôn;

- *Về con chung*: Giao con chung là Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 03/01/2012 cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con;

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

- Về tài sản, nợ nần: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm (Thuận tình ly hôn) là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), các đương sự phải chịu, chị Nguyễn Thị Như Y nhận chịu, nhưng được trừ đi số tiền lệ phí dân sự sơ thẩm mà chị Y đã nộp theo biên lai số 0003736, ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án thành phố K, tỉnh Kon Tum. Chị Nguyễn Thị Như Y đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố K;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung

